

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Năm học: 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HIỂN

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuẩn nguyện vọng 1)

(Đính kèm Thông báo số 2702/SGDDĐT-QLCL ngày 08/6/2026 của Giám đốc Sở GDĐT về việc Thông báo điểm chuẩn trúng tuyển, Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027)

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
1	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuê	Huỳnh Minh Trí	29/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	9	8,75	35,25	
2	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Trần Nguyễn Khánh Nhung	26/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,75	9,25	7,75	33,75	
3	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Lâm Chí Kiệt	20/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	1	0	7,75	7,5	7,5	32,75	
4	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Mai Thanh Long	13/01/2011	T	T	T	K	T	K	T	T	9,5	0	0	7,75	7,25	8	32,5	
5	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Văn Kỳ Nam	25/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	9	7,5	32,5	
6	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Văn Kỳ Nam	17/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	7,5	7,5	32,5	
7	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Huỳnh Thị Bảo Ngọc	12/01/2011	T	K	K	K	K	K	T	T	8,75	0	0	7,25	7	9,25	32,25	
8	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Bạch Võ Hoàng Duy	31/10/2010	T	K	T	K	T	T	T	K	9,25	0	0	6,75	9	7,25	32,25	
9	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Quang Thông	03/05/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	6	9,25	7,25	32	
10	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Nguyễn Tuấn Anh	26/02/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	6	9	7,75	32	
11	Phường Thanh Khê	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm	Hà Phạm Gia Khánh	01/02/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	8,25	9	5,5	32	
12	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuê	Nguyễn Thành Nam	26/05/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7,75	8,25	6,25	31,75	
13	Phường Hòa Cường	Trường TH&THCS Đức Trí	Nguyễn Thị Thảo Như	26/05/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7,75	7,25	8,5	31,75	
14	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Thảo Linh	21/08/2011	T	Đ	K	K	T	K	T	K	8,25	0	0	7	7	8	31,75	
15	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Thái Hải Phú	26/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7	7	8	31,75	
16	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Võ Đỗ Bảo Châu	11/11/2011	T	K	T	T	T	K	T	T	9,5	0	0	8	8,5	5,5	31,5	
17	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Võ Đỗ Bảo Châu	26/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	8	7,25	31,5	
18	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Trọng Hoàng	26/10/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	8	7	31,5	
19	Phường Hòa Cường	Trường TH&THCS Đức Trí	Nguyễn Trường Thịnh	29/10/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9	0	0	7,5	9	5,75	31,25	
20	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trưng Vương	Lê Phạm Quang Khải	30/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	7,75	8	6,25	31,25	
21	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Đoàn Anh Quốc	13/07/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	7,5	8	6,25	31	
22	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Hữu Sơn Hà	04/04/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	6,5	8	7,25	31	
23	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phan Trần Gia Huy	16/06/2011	T	T	K	T	T	K	T	K	9	0	0	5,5	8,75	7,75	31	
24	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Ngô Nguyễn Minh Khang	06/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	7	7,75	7	31	
25	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Huỳnh Lê Phương Nguyễn	23/03/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7,5	9	5,25	30,75	
26	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Lê Duy Khang	17/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	7,75	6,25	30,75	
27	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuê	Hà Huỳnh Anh Thư	25/10/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	7	7,75	6,25	30,75	
28	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Sào Nam	Mai Hoàng Vương	05/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	8,5	7	30,75	
29	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Mai Hoàng Vương	05/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	8,75	6,5	30,5	
30	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Lê Huỳnh Gia Huy	22/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	5	8,5	7,75	30,5	
31	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Nguyễn Phương Mai	15/07/2011	T	K	T	K	T	T	T	K	9,25	0	0	6,75	7,5	7	30,5	
32	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Bùi Quang Nam	22/05/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,75	0	0	8	8	4,75	30,5	
33	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trưng Vương	Trần Thị Ánh Ngọc	17/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9	0	0	7	8	6,5	30,5	
34	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trưng Vương	Trần Thị Ánh Ngọc	21/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	8	6,5	30,5	
35	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trịnh Nam Sơn	19/11/2011	T	T	K	K	Đ	K	T	T	8,5	0	0	6,25	8	7,75	30,5	
36	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phạm Tường Vinh	19/11/2011	T	T	K	K	Đ	K	T	T	8,5	0	0	6	8	8	30,5	
37	Phường Hòa Cường	Trường THCS Sào Nam	Nguyễn Ngọc Quang Vũ	01/04/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	8	3	9,5	30,25	
38	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Nguyễn Ngọc Quang Vũ	01/04/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	8	3	9,5	30,25	
39	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Lê Văn Thái Bảo	26/10/2010	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	8,5	6,75	5,25	30,25	
40	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Lê Nguyễn Kỳ Duyên	01/01/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	8,5	6,75	5,25	30,25	
41	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Quý Cáp	Đoàn Phan Như Ngọc	04/02/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	7,75	6	8	30,25	
42	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Hữu Quyền	28/09/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7,75	7	6,25	30,25	
43	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Hữu Quyền	28/09/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7,75	6,5	6,75	30,25	
44	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Trần Phương Thảo	01/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7,75	6,5	6,75	30,25	
45	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Trần Phương Thảo	01/12/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	6,5	8,75	6,5	30,25	
46	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Hữu Thiện	11/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	7,75	6	30,25	
47	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	Đỗ Phan Nhật Tiên	04/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9,5	0	0	7,25	8,25	5,25	30,25	
48	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Lương Đỗ Nhã Uyên	21/10/2011	T	T	T	K	T	K	T	T	9,5	0	0	6,5	8	6,25	30	
49	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hoàng Đại Dương	21/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7	7,25	6,5	30	
50	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hoàng Đại Dương	21/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7	7,25	6,5	30	
51	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuê	Nguyễn Hoàng Thùy Dương	03/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	7,5	6,25	30	
52	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phan Thanh Hưng	27/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	7,5	6,25	30	
53	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phan Thanh Hưng	27/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8	7,75	5,25	30	
54	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuê	Đào Trọng Phát	30/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8	7,75	5,25	30	



STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS									Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)			
46	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Huỳnh Minh Tuấn	11/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	7,5	7	30		
47	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đình Phạm Khánh Giang	28/03/2011	T	K	K	Đ	K	K	T	K	8	0	0	6,75	6,75	8,25	29,75		
48	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Phạm Quỳnh Hoa	12/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	1	0	5,75	9,25	4,75	29,75		
49	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Lê Gia Hoàng	24/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	7,5	6,75	29,75		
50	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Khánh Linh	08/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	8	5,25	29,75		
51	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Đặng Hoàng Long	25/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	8,75	5,25	29,75		
52	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Phan Mai Thu Phương	24/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8,5	7	5,25	29,75		
53	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thị Bảo Uyên	27/08/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	7,75	5,5	6,75	29,75		
54	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Huỳnh Thái Văn	18/07/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	6,25	7,5	6,5	29,75		
55	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Trà Thiên Di	14/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	6	8,25	5,75	29,5		
56	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuy	Trần Văn Anh Đức	21/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	5,75	7,25	29,5		
57	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Hồ Minh Huy	23/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	6,5	9	4,25	29,5		
58	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Thiện Khang	03/11/2011	T	K	K	K	T	K	T	K	8,75	0	0	6,5	8	6,25	29,5		
59	Phường Thanh Khê	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Huỳnh Ngọc Uyên Nhi	19/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8	7,5	5	29,5		
60	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Ngọc Thuận	02/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	7,75	6,75	29,5		
61	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Lê Nguyễn Phương Trinh	05/05/2011	T	Đ	T	K	T	T	T	T	9	0	0	7,5	5,25	7,75	29,5		
62	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	09/08/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	7,25	8	5,75	29,5		
63	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên	25/07/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7	7,5	5,75	29,5		
64	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Vũ Hải Vương	28/09/2011	T	Đ	T	Đ	T	K	T	Đ	7,5	0	0	7,25	9,75	5	29,5		
65	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Huỳnh Ngọc Tuấn Anh	02/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	7,5	6,5	29,25		
66	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Lê Quốc Tân	25/03/2011	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K	7,5	0	0	6,5	8	7,25	29,25		
67	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phạm Nguyễn Tiến Đạt	17/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	6,5	7,25	29		
68	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Trần Ngọc Bảo Hân	20/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	8,25	5	29		
69	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Bảo Khang	10/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,25	8	4,75	29		
70	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Bùi Bảo Ngân	28/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	8	5	29		
71	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Hồ Minh Vương	19/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	8,25	6	29		
72	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Bùi Việt Dũng	17/05/2011	T	Đ	K	K	T	Đ	T	K	7,75	0	0	6,25	7,75	7	28,75		
73	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Lê Ngọc Bảo Hoàng	18/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	7,75	5,25	28,75		
74	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Khánh Hoàng	24/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	5,75	8	5,75	28,75		
75	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Thân Đức Trí	15/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,25	8,25	6,25	28,75		
76	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Huỳnh Gia Bảo	13/02/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	6,25	8,25	4,5	28,5		
77	Phường An Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Định	Nguyễn Đỗ Minh Duyên	26/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	6,5	7	28,5		
78	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Lê An Hy	17/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8,25	7,25	4	28,5		
79	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trần Duy Khang	18/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	7,5	6,25	28,5		
80	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Thánh Tôn	Nguyễn Lương Khoa	25/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	7	6,5	28,5		
81	Phường An Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Định	Phan Nguyễn Ai Nhi	27/01/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	8,5	7	4,5	28,5		
82	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Lê Đức Thịnh	30/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	5,75	7	28,5		
83	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Nguyễn Vũ Bảo Vy	22/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	6,75	5,75	28,5		
84	Phường Thanh Khê	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Nguyễn Minh Đăng	01/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	4,5	8,75	6	28,25		
85	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Nhật Hoàng	14/09/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	7	7,25	5,5	28,25		
86	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Kh	Nguyễn Hoàng Gia Huy	26/12/2011	T	T	T	K	T	T	T	K	9,5	0	0	6,5	7,25	5	28,25		
87	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Lê Phương Nga	20/05/2011	T	K	K	K	T	K	T	K	8,75	0	0	6,75	7	5,75	28,25		
88	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Hoàng Nam Phương	28/09/2011	T	Đ	T	T	T	K	T	K	8,75	0	0	7	7	5,5	28,25		
89	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Lê Tự Minh Quân	06/04/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	6,75	6,5	5,75	28,25		
90	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Trần Thái Hiền	26/07/2011	T	K	T	K	T	T	T	K	9,25	0	0	7,5	7	4,25	28		
91	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Nguyễn Tuấn Khang	18/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	7,25	6	28		
92	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Dương Duy Phú	05/11/2011	K	K	T	K	T	Đ	T	K	8,25	0	0	6,75	7,75	5,25	28		
93	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuy	Nguyễn Xuân Phúc	19/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	4,75	8,25	6	28		
94	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Đặng Ngọc Quang	15/11/2011	T	K	T	K	Đ	K	K	K	8	0	0	6,5	5,5	8	28		
95	Phường An Khê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Phạm Ngọc Tuệ Quang	19/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	7	6	28		
96	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Quang Thành	05/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,5	6,75	6,75	28		

STT	Xã/Phường	Thi sinh trưởng	Họ và tên thi sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú		
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)				
97	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Hồ Nghinh	Trần Nguyễn Yến Vy	31/07/2011	T	Đ	T	K	T	T	T	T	T	T	0	0	0	7	7	6	28	
98	Phường Thanh Khê	Trưởng THCS Chu Văn An	Hồ Nam Anh	17/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,5	6,75	6,5	27,75	
99	Phường Hải Châu	Trưởng THCS Lê Hồng Phong	Nguyễn Đăng Gia Hán	12/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	7,5	6,75	4,25	27,75	
100	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Lý Thường Kiệt	Phạm Thị Mỹ Hiền	08/12/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	5,75	7,75	5,75	27,75	
101	Phường Hải Châu	Trưởng THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Thị Anh Hồng	12/04/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6,25	6,75	6,25	27,75	
102	Phường Thanh Khê	Trưởng THCS Chu Văn An	Nguyễn Lê Minh Hy	17/12/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	7	7,5	4,75	27,75	
103	Phường Cẩm Lệ	Trưởng THCS&THPT Nguyễn Khuê	Nguyễn Khánh Linh	05/09/2011	T	T	T	T	K	T	K	T	K	T	9,5	0	0	6,5	7	4,75	27,75	
104	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Hồ Nghinh	Đặng Lê Thanh Long	06/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	8	4	27,75	
105	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Hồ Nghinh	Lê Hoàng Long	05/01/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	5,25	9,25	4	27,75	
106	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Trần Thị Linh Nhi	12/12/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	6,5	7,75	5	27,75	
107	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Lý Thường Kiệt	Trần Hoàng Quân	03/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,5	6,5	6,75	27,75	
108	Phường Hải Châu	Trưởng THCS Kim Đồng	Trương Ngọc Quỳnh	05/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,75	7,25	3,75	27,75	
109	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Đoàn Quang Tiến	11/06/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	4,75	6,75	7	27,75	
110	Phường Hòa Xuân	Trưởng THCS Nguyễn Thiện Thuật	Vũ Thị Cẩm Tiên	27/09/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	Đ	T	Đ	8	1	0	8,75	6,25	3,75	27,75	
111	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Lý Thường Kiệt	Đoàn Lê Bảo Trâm	19/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	7	5,25	27,75	
112	Phường Cẩm Lệ	Trưởng THCS Trần Quý Cáp	Võ Hoàng Dung	19/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	6,25	5,5	27,5	
113	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Trương Tiên Đạt	15/06/2011	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	7,5	0	0	6	8,75	5,25	27,5	
114	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Hoàng Gia Hán	30/06/2011	T	K	K	T	K	T	K	T	K	T	8,75	0	0	5,5	7	6,25	27,5	
115	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Lâm Ngân Hoa	29/12/2011	T	K	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	8,5	0	0	4,75	8,75	6,5	27,5	
116	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Trần Phước Hoàn	31/07/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	Đ	T	Đ	8,5	0	0	5,25	6,75	7	27,5	
117	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Nguyễn Trần Gia Huy	16/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	Đ	9	0	0	6,75	6,75	5	27,5	
118	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Phạm Nguyễn Khang	27/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	7	9	3	27,5	
119	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Trương Anh Linh	10/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	T	8,5	0	0	6	8	4,75	27,5	
120	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Lý Thường Kiệt	Ngô Văn Lộc	26/02/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	T	T	8,75	0	0	7	6	4,75	27,5	
121	Phường Cẩm Lệ	Trưởng THCS&THPT Nguyễn Khuê	Ngô Thị Cẩm Ly	05/06/2011	T	T	K	T	K	T	K	T	K	T	9	0	0	6,25	7,75	4,5	27,5	
122	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Nguyễn Thị Kim Ngân	16/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	7,75	4,5	27,5	
123	Phường Hải Châu	Trưởng THCS Sao Nam	Trần Thị Quỳnh Oanh	16/07/2011	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	7,5	0	0	7,5	5,5	7	27,5	
124	Phường Hải Châu	Trưởng THCS Sao Nam	Đỗ Như Quỳnh	10/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	T	Đ	8,5	0	0	5,75	8	5,25	27,5	
125	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Nguyễn Ngọc Khánh Thy	25/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	6,25	3,25	27,5	
126	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Đặng Phước Toàn	01/11/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	Đ	T	K	8,5	0	0	7	7,5	4,5	27,5	
127	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Hồ Nghinh	Lê Thủy Vân Anh	10/10/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7,25	7,25	3	27,25	
128	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Đặng Ngọc Bình	12/11/2010	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	4	8,75	5,5	27,25	
129	Phường Thanh Khê	Trưởng THCS Lý Thường Kiệt	Tống Minh Châu	22/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	6,5	5,25	27,25	
130	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Nguyễn Duy Hiệu	Trần Hồ Vĩnh Đạt	15/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	7,75	4,75	27,25	
131	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Nguyễn Quốc Huy Hoàng	12/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	5,75	6,75	27,25	
132	Phường Hải Châu	Trưởng THCS Kim Đồng	Phạm Văn Duy Hưng	20/04/2011	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	7,5	0	0	5,5	8,25	6	27,25	
133	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Bảo Ngọc	22/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	7,5	3,5	27,25	
134	Phường Thanh Khê	Trưởng THCS Huỳnh Thái Khang	Ngô Tấn Thiên Nhân	18/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	5,75	8,75	4,25	27,25	
135	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Hồ Nghinh	Hồ Trần Minh Oanh	19/01/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	T	T	9,5	0	0	7,75	5	5	27,25	
136	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Lý Thường Kiệt	Huyền Dương Hữu Phúc	16/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	8,5	3,25	27,25	
137	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Vũ Kiều Dương	16/05/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	5,75	6	6,25	27,25	
138	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Huyền Đăng Thành	26/12/2011	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	7,5	0	0	5	9	5,75	27,25	
139	Phường Hải Châu	Trưởng THCS Lê Thánh Tôn	Lê Quang Thông	02/10/2011	T	K	T	Đ	K	Đ	K	Đ	T	K	7	0	0	6,25	6,25	7,75	27,25	
140	Phường Thanh Khê	Trưởng THCS Chu Văn An	Lê Mai Minh Thy	08/03/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6,25	7	5,5	27,25	
141	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Trần Hưng Đạo	Phan Khánh Thy	10/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	5,75	7,25	5	27,25	
142	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Tây Sơn	Lê Ngọc Như Ý	03/10/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	Đ	T	Đ	8	0	0	6,5	7,25	5,5	27,25	
143	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Lý Thường Kiệt	Huyền Ngọc Bảo An	16/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	T	Đ	8,5	0	0	7,5	7,5	3,5	27	
144	Phường Cẩm Lệ	Trưởng THCS&THPT Nguyễn Khuê	Nguyễn Nguyễn Gia Hán	25/06/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	Đ	T	K	8,5	0	0	6,25	7,25	5	27	
145	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Lý Thường Kiệt	Lê Công Anh Hiếu	28/02/2011	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8	0	0	7	6,25	5,75	27	
146	Phường Hòa Cường	Trưởng THCS Hồ Nghinh	Phan Huỳnh Bảo Nhi	08/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	5,5	7,25	5	27	
147	Phường Thanh Khê	Trưởng THCS Chu Văn An	Trần Đón Phú	09/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	4,75	6,5	27	

STT	Xã/Phường	Thi sinh trường	Họ và tên thi sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
148	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Duy Phước	25/06/2011	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K	8	0	0	6,5	7,25	5,25	27	
149	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Vương Ngọc Quân	09/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	5	7,5	5,25	27	
150	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hà Trần Thiện Tâm	31/10/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7,75	6,25	3,75	27	
151	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Phương Thảo	30/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	6,75	6,75	5	27	
152	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Hồng Phong	Nguyễn Ngọc Anh Thư	02/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	7,5	4,5	27	
153	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trần Minh Toàn	15/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	7,75	4,25	27	
154	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu	Lê Thị Phương Trang	10/11/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6,5	6,25	5,75	27	
155	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuy	Trần Ngọc Bảo Trân	11/01/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7	5,75	5	27	
156	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Lê Hoàng Phương Uyên	20/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	6,75	3,75	27	
157	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Ngọc Nhã Vy	09/03/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	6	8	4,5	27	
158	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Phan Kiều Vy	27/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8	5,25	4,75	27	
159	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Hoàng Gia Bảo	21/09/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	Đ	8	0	0	7,25	6,25	5,25	26,75	
160	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Đỗ Phong Dương	26/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	5,25	8	3,75	26,75	
161	Phường Hải Châu	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Phạm Ngọc Hân	22/06/2011	T	T	T	K	T	K	T	Đ	8,75	0	0	6,5	6	5,5	26,75	
162	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường THCS Lê Lợi	Nguyễn Minh Hiếu	01/11/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6,75	6,25	5,25	26,75	
163	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Trần Ngọc Khiêm	15/11/2011	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K	8	0	0	6,75	6,25	5,75	26,75	
164	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Dương Văn Đăng Khoa	02/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	7	7,25	4	26,75	
165	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Trần Anh Khoa	12/12/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	6	6,75	4,75	26,75	
166	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Trương Anh Khoa	04/01/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	6	5,75	6,5	26,75	
167	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Quang Minh	19/12/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	5	8	5,25	26,75	
168	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Bach Lưu Kim Ngân	09/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	7,5	4,25	26,75	
169	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Phạm Minh Nhật	23/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	4,5	8,5	4,75	26,75	
170	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Võ Lê Uyên Nhi	16/06/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	7,25	6	3,75	26,75	
171	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Đặng Hồng Tâm	27/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	6,5	7	4	26,75	
172	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Hoàng Thy	13/06/2011	K	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K	7,25	0	0	6,75	8	4,75	26,75	
173	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Vũ Ngọc Tố Trân	11/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	7	4,75	26,75	
174	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Nguyễn Mai Cát Tường	01/05/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	6,25	5,75	5,5	26,75	
175	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Ngọc Khánh An	28/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	6,75	4,25	26,5	
176	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Trần Trâm Anh	29/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	6,75	5	26,5	
177	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đặng Lê Bách	20/05/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	5,25	8,25	3,25	26,5	
178	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Tăng Việt Đức	26/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,25	7,25	5	26,5	
179	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Nguyễn Trần Khánh Giao	29/06/2011	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K	8	0	0	6,75	6,25	5,5	26,5	
180	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Ngọc Bảo Huy	31/05/2011	T	T	T	T	T	K	T	K	9,5	0	0	5,5	6	5,5	26,5	
181	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Trần Lê Đình Nguyễn	05/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,5	7,5	4,5	26,5	
182	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Lê Trọng Nhân	28/04/2011	T	K	K	K	T	Đ	T	K	8,25	0	0	5,5	7,25	5,5	26,5	
183	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuy	Nguyễn Hồ Uyên Quân	03/04/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	6,5	6,75	4,75	26,5	
184	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Lê Đình Thiện	19/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	5	7,75	5,25	26,5	
185	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Phan Huỳnh Anh Thư	25/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	6,5	5,25	26,5	
186	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Trần Thị Hoài Thương	19/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	5,5	6	26,5	
187	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hồ Thị Huyền Trang	10/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	6,75	5,5	5,75	26,5	
188	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Nguyễn Hà Vi	27/12/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	7,25	5,75	4	26,5	

Danh sách này có 188 thi sinh

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2026  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**  
 GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
 LÊ THỊ BÍCH THUẬN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Năm học: 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HIỂN

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuẩn nguyện vọng 2)

(Đính kèm Thông báo số 2702/SGDDT-QLCL ngày 08/6/2026 của Giám đốc Sở GDĐT về việc Thông báo điểm chuẩn trúng tuyển, Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027)

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
1	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Bùi Văn Hưng	23/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	9,25	8,5	35,25	
2	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Thành Trung	12/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,75	10	8,5	35,25	
3	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Lý Đoàn Bảo Châu	08/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	8,75	8,5	35	
4	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Bảo Hân	05/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	9,25	7,75	35	
5	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Sử Duy Quang Hiếu	23/12/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	10	7,75	35	
6	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Nam Khánh	31/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	9,75	7,5	35	
7	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Lê Thanh Thiên Di	30/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	9,25	7,5	34,75	
8	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Đức Kiên	15/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,5	9,5	6,75	34,75	
9	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Lê Anh Khôi	26/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0,5	8,5	8,75	6,75	34,5	
10	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Ngọc Uyên Minh	20/04/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	6,5	9,75	8,5	34,5	
11	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Thái Duy Tâm	15/12/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	9,5	7,75	34,5	
12	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Tân Triết	06/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	8,75	8,75	34,5	
13	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Ninh Võ Hạnh Nguyên	23/11/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	8,25	8,25	34,25	
14	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	Thái Lê Mai Thảo	05/11/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,5	9	6,75	34,25	
15	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Mai Phước Thịnh	16/09/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	7	9	8,5	34,25	
16	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Phạm Thị Ngọc Ngân	03/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	8,25	7,75	34	
17	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Lê Tấn Phát	15/02/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	8,5	7,5	33,75	
18	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Việt Anh	05/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	9,5	6,75	33,5	
19	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hà Học Nam Khánh	21/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	9,25	7	33,5	
20	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trương Ngọc Minh	10/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	7,75	8,25	33,5	
21	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đoàn Minh Quân	23/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,5	8,25	6,75	33,5	
22	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Đức Tài	12/04/2011	T	K	T	T	T	K	T	T	9,5	0	0	7,75	8,5	7,75	33,5	
23	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Thanh Phúc	21/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,25	9,25	7,75	33,25	
24	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đặng Lê Bảo Trân	22/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	9	6,75	33,25	
25	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Nguyễn Hội	25/07/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	8,25	7,75	33	
26	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phạm Minh Khang	25/03/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	7,25	8,75	7,5	33	
27	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thị Yến Nhi	06/01/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,25	8,75	6	33	
28	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Phúc Tài	14/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	9	7	33	
29	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Lê Khánh Thủy Tiên	13/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,25	9	5,75	33	
30	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Khánh Vân	11/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,75	9,25	7	33	
31	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Ngô Kiều Quốc Khánh	02/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	8,5	6,75	32,5	
32	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Đặng Khánh Ngân	13/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,25	7,5	6,75	32,5	
33	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Đoàn Anh Thư	08/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7,5	8,75	6,5	32,5	
34	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phạm Thanh Tùng	02/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	8,75	6,75	32,5	
35	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Hoàng Diệp Anh	05/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,25	8	6	32,25	
36	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Bảo Hân	21/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	7,75	6,5	32,25	
37	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Ngọc Hân	27/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	8,75	7,25	32,25	
38	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Phạm Đắc Thái Hoàng	13/05/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	7,25	7,25	8	32,25	
39	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Phúc Bảo Huy	16/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,5	9,25	6,5	32,25	
40	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Mai Xuân Khoa	23/05/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	7,75	8,25	6,75	32,25	
41	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Văn Ngọc Diễm Quỳnh	05/03/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	T	8,75	0	0	7,5	9	7	32,25	
42	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Lưu Anh Tuấn	27/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,75	7	8,5	32,25	



STT	Xã/Phường	Thi sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
43	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Tri Tuấn	19/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	9	7,5	32,25	
44	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Gia Vỹ	17/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	7	8,25	32,25	
45	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đoàn Phước An	08/08/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	6,25	8,25	8,25	32	
46	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Thị Thanh Ân	16/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,75	9,5	3,75	32	
47	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Ngô Gia Bảo	09/01/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	7	8	7,25	32	
48	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đoàn Xuân Châu	10/01/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	6,5	8	8,25	32	
49	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Phạm Minh Chính	09/11/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	T	8,75	0	0	7,5	7,5	8,25	32	
50	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Lê Duy	28/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	8,5	5,5	32	
51	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Quang Thái Hòa	25/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	8	7,5	32	
52	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Đặng Lê Khánh Huyền	21/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7,5	9,25	5,5	32	
53	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phan Thị Minh Huyền	09/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	7,75	6,5	32	
54	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Huỳnh Phúc Khang	05/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7,5	8,25	6,5	32	
55	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Lê Mậu Gia Khang	18/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,75	7,25	8	32	
56	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Ngọc Nhà Khanh	25/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	6,5	7,75	8,5	32	
57	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đương Gia Khánh	03/10/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	7	9	6,5	32	
58	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Lê Văn Khương	04/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,5	8	7,5	32	
59	Phường Cẩm Lệ	Trường TH,THCS&THPT Việt Nhật	Nguyễn Phương Nam	07/08/2011	T	T	T	K	T	K	T	T	9,5	0	0	6,75	9	6,75	32	
60	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Đặng Trần Bảo Ngọc	16/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	9,75	5,75	32	
61	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Nguyễn Như Ngọc	01/11/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	7,5	7	32	
62	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đặng Ngọc Thảo Nhi	18/11/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	9	6	32	
63	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Võ Đình Minh Quân	12/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	7,25	7	32	
64	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hồ Quyết Thắng	19/10/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	6,75	9,5	6,25	32	
65	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Anh Thư	19/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	8,25	7,25	7,25	32	
66	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Thị Minh Thư	23/05/2011	T	K	T	T	T	K	T	T	9,5	0	0	7,5	8,75	6,25	32	
67	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đình Hoàng Bảo Trân	23/07/2011	T	K	T	T	T	K	T	T	9,5	0	0	7,75	8,5	6,25	32	
68	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Trần Phúc Trọng	26/02/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,5	8,5	7	32	
69	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Quang Trường	14/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,25	6,75	7	32	
70	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hồ Quỳnh Anh	13/03/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	8,25	8	5,75	31,75	
71	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Phan Nguyễn Bảo Châu	10/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,75	8,75	6,25	31,75	
72	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Phạm Thị Minh Hiếu	29/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,5	8,5	7	31,75	
73	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Văn Khánh	19/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,25	6,5	7	31,75	
74	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Văn Khánh	10/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	8,75	6	31,75	
75	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Đăng Lộc	30/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	8,5	5,25	31,75	
76	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Xuân Mai	19/07/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,5	8	7,5	31,75	
77	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Hồ Kim Nguyễn	11/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	7,25	6,75	31,75	
78	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Lê Bảo Hạ Nhiên	20/02/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	5,5	8	8,25	31,75	
79	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Phương Uyên	20/01/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7	7,75	7,25	31,75	
80	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Phạm Nguyễn Quỳnh Anh	04/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,75	8,25	6,5	31,5	
81	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Huỳnh Thanh Bích	27/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7	8,25	7	31,5	
82	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trương Phước Bình	22/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,25	9,5	5,75	31,5	
83	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Hữu Bảo Châu	27/05/2011	T	T	T	T	T	K	T	K	9,5	0	0	7,75	6,75	7,5	31,5	
84	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Bùi Võ Nhật Duy	19/02/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	8,25	8,25	5,25	31,5	

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
85	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	Hồ Lê Anh Duy	28/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	7,75	7,75	31,5	
86	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Bùi Nhã Đan	09/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	6,75	9,5	6	31,5	
87	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Lê Tường Đan	30/12/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	8	8,25	5,5	31,5	
88	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Chí Đạt	25/06/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	7,25	6,75	8,25	31,5	
89	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Vũ Lâm Hương Giang	05/08/2011	T	T	T	K	T	K	T	T	9,5	0	0	8	8	6	31,5	
90	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Tăng Bảo Hân	10/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	7,5	7	31,5	
91	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Phan Quốc Minh Hiền	11/02/2011	T	K	T	T	T	K	T	T	9,5	0	0	8,5	7,25	6,25	31,5	
92	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trịnh Gia Huy	02/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	7,25	6,5	31,5	
93	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Huỳnh Nguyễn Khang	24/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	7,25	6,75	31,5	
94	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phạm Minh Khang	22/07/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	6,5	8,5	6,75	31,5	
95	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Thy Mí Lan	03/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6	8,75	6,75	31,5	
96	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Bình Minh	10/05/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	9,25	5,75	31,5	
97	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Đức Minh	20/02/2011	T	T	T	K	T	K	T	T	9,5	0	0	6,75	7	8,25	31,5	
98	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Đặng Lê Hoài Nghĩa	20/02/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7	8,5	6,25	31,5	
99	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Hữu Khánh Nhi	18/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	7,5	6	31,5	
100	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Thánh Tôn	Trương Quỳnh Như	22/05/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	9,75	5,25	31,5	
101	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Trần Phạm Khánh Pha	21/03/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	6	9	6,75	31,5	
102	Phường Cẩm Lệ	Trường TH,THCS&THPT Việt Nhật	Lê Nguyễn Phong	14/07/2011	T	T	T	K	T	K	T	T	9,5	0	0	6,75	9,5	5,75	31,5	
103	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Đình Nam Phong	04/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	8	6,5	31,5	
104	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trần Thanh Phong	24/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	8,25	6	31,5	
105	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Đình Phước	09/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	9,25	6,75	31,5	
106	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Đỗ Văn Huy Quang	17/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7,25	7,25	7,75	31,5	
107	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Hồng Phong	Đinh Hà Đông Quân	26/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	7,5	8	31,5	
108	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Ngô Hoàng Bảo Quyên	07/11/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	7,75	6	31,5	
109	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH,THCS&THPT FPT	Trần Đăng Thái Sơn	07/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,75	8,5	6,25	31,5	
110	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Tú Tài	30/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,25	7,5	5,75	31,5	
111	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Phan Hoàng Hạ Thy	05/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8	7	7,5	31,5	
112	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Thế Trung	15/02/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	5,5	9,75	6,75	31,5	
113	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Huỳnh Ngọc Bảo	19/06/2011	T	T	T	K	T	K	T	T	9,5	0	0	8	8	5,75	31,25	
114	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Trần Quý Cáp	Lê Huỳnh Diệu Hân	15/11/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	7	8	6,5	31,25	
115	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Phan Tấn Hưng	12/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	9,75	6,5	31,25	
116	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Trung Kiên	18/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	8,5	6,75	31,25	
117	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	Nguyễn Phan Thanh Ngân	06/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	8,5	5,25	31,25	
118	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trần Nguyễn Hoàng Oanh	04/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7,5	8,25	5,75	31,25	
119	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH,THCS&THPT FPT	Lê Thanh Phúc	17/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	9	4,25	31,25	
120	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Đoàn Hồng Phúc	27/04/2011	K	T	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7,5	8,25	6,25	31,25	
121	Phường An Khê	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Hoàng Quân	16/08/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	7	8,5	6,25	31,25	
122	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Đỗ Phúc Thịnh	04/08/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	5,75	9,5	6,5	31,25	
123	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Hữu Tiến Thịnh	14/03/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	7	9	5,75	31,25	
124	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hứa Ngọc Minh Thư	31/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	6,5	7	31,25	
125	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Huỳnh Việt Minh Toàn	25/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	6,25	8,75	7	31,25	
126	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đỗ Thành Trí	09/01/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6	8	7,5	31,25	
127	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đào Bảo Tú	28/11/2011	T	K	K	Đ	T	K	T	K	8,25	0	0	6,75	8,75	7,5	31,25	

11  
 S  
 D  
 O  
 11

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
128	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Bùi Quang Vinh	14/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	9,25	4,5	31,25	
129	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Đặng Thái Vinh	21/06/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	6,5	7,75	7,25	31,25	
130	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Đặng Ngọc Bảo An	14/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8	7,5	6,5	31	
131	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trần Thiên Ân	10/04/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	6,5	8,75	6,5	31	
132	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Thuỳ Dương	10/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	8	7	31	
133	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Phương Bảo Hân	26/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	8,5	6,75	31	
134	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Văn Bảo Hiếu	12/05/2011	T	Đ	K	K	K	K	T	K	8	0	0	6,5	9	7,5	31	
135	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Đình Hiếu	22/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	4,75	9,25	8	31	
136	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Trung Hiếu	19/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7,75	8,25	5,75	31	
137	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Minh Hoàng	29/12/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	6,5	9,25	6,75	31	
138	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH,THCS&THPT FPT	Lê Nguyễn Kha	26/01/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	8,5	4,75	31	
139	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Nhật Khang	16/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,5	8,5	6	31	
140	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Đặng Anh Khôi	18/05/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	6,5	8,75	7,25	31	
141	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Gia Khôi	08/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	8,25	8	31	
142	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đỗ Văn Anh Kiệt	25/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	6,25	8,75	6,75	31	
143	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Thành Tuấn Kiệt	05/06/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	8,25	7,5	5,75	31	
144	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Bùi Thiên Lam	25/02/2011	T	K	K	K	T	T	T	T	9,25	0	0	8	7,25	6,5	31	
145	Phường Hòa Xuân	Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật	Nguyễn Trịnh Tường Lam	01/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	8	5,25	31	
146	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Hồng Phong	Lê Việt Lâm	03/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	8	8,25	31	
147	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Bùi Thị Phương Linh	15/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	9,5	3,5	31	
148	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Phùng Tấn Thiên Long	04/02/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	7,25	6	31	
149	Phường Hòa Xuân	Trường THCS Nguyễn Hồng Anh	Đặng Hoàng Ngân	04/12/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7,5	6,75	7	31	
150	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thành Phong	28/04/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	7,25	6,25	7,75	31	
151	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Thế Hoàng Phúc	20/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	7,75	7,75	31	
152	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Đinh Nguyễn Phương Quỳnh	01/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8,5	8	5,5	31	
153	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường THCS Lê Lợi	Lê Phước Thịnh	27/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	8,75	5,25	31	
154	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Hữu Trọng	04/01/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	6,75	8	6,75	31	
155	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Huỳnh Võ Phương Uyên	11/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	7,75	6,75	31	
156	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Nguyễn Minh Vy	22/12/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	7,5	6,25	31	
157	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Võ Hoàng Bảo Vy	10/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	7,75	6	31	
158	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Hà Anh	25/11/2010	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	6,75	8,25	6	30,75	
159	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trần Minh Anh	01/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	7,75	5,75	30,75	
160	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Lê Nguyễn Hoàng Bách	20/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	9	6	30,75	
161	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Lê Võ Quỳnh Chi	17/07/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	8	7,25	5,75	30,75	
162	Phường An Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Định	Nguyễn Lê Đức Dũng	07/09/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6,5	8,75	7	30,75	
163	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Phan Ngọc Trúc Giang	23/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,75	7,25	6,75	30,75	
164	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Ngọc Gia Hân	25/06/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	9	5,25	30,75	
165	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Phạm Hồng Khánh Huy	22/11/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	6,5	8,5	7,25	30,75	
166	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Vũ Lê Nguyễn Khánh	05/10/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	7,25	7,5	6,75	30,75	
167	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Lê Trần Đăng Khoa	17/08/2011	K	K	T	K	T	T	T	K	9	0	0	7,75	6	8	30,75	
168	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Đức Khoa	08/09/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	5,25	9,75	7,25	30,75	
169	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Văn Đăng Khoa	07/03/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	5,5	8	30,75	
170	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Trương Gia Luật	17/01/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	7	8,5	5,75	30,75	
171	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Lê Quang Minh	25/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	6,75	8,75	6,75	30,75	
172	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trương Kim Ngân	23/02/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	8,25	5	30,75	
173	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Trương Công Nhân	27/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,5	7,25	9	30,75	

N.L.  
 C.V.  
 A.O.  
 M.P.

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
174	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Thị Như Quỳnh	09/11/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	8,75	4,75	30,75	
175	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Phạm Phước Thắng	16/12/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	6,25	8	30,75	
176	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Phan Minh Tuấn Thịnh	27/07/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	6	7,25	8	30,75	
177	Xã Quế Sơn Trung	Trường THCS Quế Thuận	Nguyễn Trần Anh Thơ	21/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7	8,25	5,75	30,75	
178	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Lê Anh Thư	24/05/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	7,5	7,25	6,25	30,75	
179	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Ngọc Thanh Thư	14/03/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	7,75	7,25	6,25	30,75	
180	Phường Hòa Xuân	Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật	Lê Phương Uyên	28/08/2011	T	T	T	K	T	T	T	K	9,5	0	0	8,5	7,5	5,25	30,75	
181	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Ngọc Vinh	20/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	8,25	6,5	30,75	
182	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Thị Minh Anh	06/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	7,25	5,25	30,5	
183	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Lưu Ngọc Ánh	25/02/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	7,25	5,25	30,5	
184	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đoàn Gia Bảo	17/11/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	7,5	7,75	5,5	30,5	
185	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Lê Gia Bảo	30/04/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	7,5	8	5,25	30,5	
186	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Thái Tăng Quốc Bảo	26/07/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	5,25	7,5	8	30,5	
187	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Võ Ngọc Bảo Châu	23/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	8,5	5	30,5	
188	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đặng Khánh Chi	25/11/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7,5	7,5	5,75	30,5	
189	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Lê Phương Chi	08/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	8,5	6	30,5	
190	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Phạm Nguyễn Ngọc Diệp	10/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	7,75	5,25	30,5	
191	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trịnh Quang Dũng	13/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	8,25	7	30,5	
192	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Đặng Quốc Đạt	15/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	7,5	7,25	30,5	
193	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Lương Thành Đạt	01/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	8,25	6	30,5	
194	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Trà Giang	06/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7	6,25	8	30,5	
195	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Gia Hà	03/12/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	8,25	4,5	30,5	
196	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Hồng Phong	Dương Nguyễn Minh Hằng	28/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,75	8,25	5,5	30,5	
197	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Đức Hoàng	01/06/2011	T	T	T	K	T	K	T	T	9,5	0	0	8,25	7	5,75	30,5	
198	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Lê Phạm Gia Huy	24/02/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	6	8,25	7	30,5	
199	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Trịnh Tuấn Hưng	29/01/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	8,5	4,75	30,5	
200	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Võ Nam Khang	17/08/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	8,5	5,5	30,5	
201	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Phạm Thế Khanh	25/10/2011	T	K	T	K	T	T	T	K	9,25	0	0	7	7,25	7	30,5	
202	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Huỳnh Hương Lam	13/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7,5	8	5,25	30,5	
203	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Đỗ Hoàng Thanh Lâm	21/02/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	7,25	8,5	5	30,5	
204	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Hồ Công Minh	26/06/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	6,25	7,25	7,25	30,5	
205	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Tạ Nguyễn Trà My	13/03/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7,5	8,75	5	30,5	
206	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Phạm Thành Kim Ngân	26/01/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,75	7,25	6,5	30,5	
207	Phường Hòa Cường	Trường TH&THCS Đức Trí	Lê Chí Nhân	12/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	5,25	9	7	30,5	
208	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Lưu Lam Phong	15/11/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6	6,75	7,75	30,5	
209	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Lê Hoàng Phong	14/08/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	7,25	7,25	6,5	30,5	
210	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trần Đình Phong	19/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,5	8,5	5,5	30,5	
211	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Trần Đỗ Hoàng Quỳnh	22/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8	7,75	5,75	30,5	
212	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Lê Khánh Quỳnh	02/10/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	7,75	8	5,5	30,5	
213	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Đỗ Huyền Trân	25/05/2011	T	T	K	T	T	K	T	T	9,5	0	0	6,75	6,75	7,5	30,5	
214	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Đoàn Ngọc Trung	25/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	7,75	7,25	30,5	
215	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hoàng Cát Tường	22/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,25	7	5,25	30,5	
216	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Thánh Tôn	Trần Hữu Minh Anh	14/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	8	6	30,25	

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
217	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Văn Hoàng Bách	02/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	8	6,5	30,25	
218	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Võ Hoàng Minh Châu	18/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	8	6	30,25	
219	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Huỳnh Hạnh Duyên	04/06/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	8,25	6	6,25	30,25	
220	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Cao Tuấn Đạt	25/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,5	8,5	7,25	30,25	
221	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Gia	01/05/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	6	8	6,75	30,25	
222	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH,THCS&THPT FPT	Nguyễn Bảo Hân	02/12/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	8,5	6,25	6	30,25	
223	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Vũ Thanh Hiền	26/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6	7,75	6,75	30,25	
224	Phường Thanh Khê	Trường THCS Phan Đình Phùng	Trần Huỳnh Quốc Hoàng	05/06/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	T	8,75	0	0	7,75	8,5	5,25	30,25	
225	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hồ Hoàng Ngọc Khánh	26/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7,5	7,5	5,5	30,25	
226	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Lê Đình Khánh	01/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	6,5	6,25	30,25	
227	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Lê Trần Bảo Khánh	01/08/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	6,75	7,5	6,5	30,25	
228	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Hoàng Bảo Khánh	30/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	8,75	5,25	30,25	
229	Phường Thanh Khê	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm	Hồ Ngọc Gia Lâm	17/05/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	4,75	10	5,75	30,25	
230	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đông Thị Thùy Linh	23/06/2011	T	K	T	K	T	T	T	K	9,25	0	0	6,75	7	7,25	30,25	
231	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	20/03/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7,75	6,75	6	30,25	
232	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Trịnh Gia Linh	04/12/2011	T	T	T	Đ	T	K	T	T	9	0	0	7,25	7,5	6,5	30,25	
233	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Trần Phi Long	05/08/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	5,5	9	6,5	30,25	
234	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Lê Đăng Kỳ Nam	30/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	6,25	6	30,25	
235	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Diệp Bảo Ngân	14/09/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	6,25	7,75	6,5	30,25	
236	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Lê Bảo Ngọc	18/08/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7,5	7,25	5,75	30,25	
237	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Phạm Khánh Nguyễn	13/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	8,25	8,25	5,25	30,25	
238	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường THCS Lê Lợi	Trần Khánh Nguyễn	29/01/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7,25	9,5	4,25	30,25	
239	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Lê Tấn Phúc	04/08/2011	T	K	T	K	T	T	T	K	9,25	0	0	7,25	7	6,75	30,25	
240	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Trần Thiên Phúc	23/05/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	6,5	8	6	30,25	
241	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Trần Mai Phương	08/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	5	8	7,25	30,25	
242	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Anh Quốc	29/11/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7,75	7,25	5,5	30,25	
243	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Đinh Nguyễn Khánh Quỳnh	01/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,75	7,25	6,25	30,25	
244	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	Lê Hoài Thương	27/11/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6	7,5	7	30,25	
245	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Phan Ngọc Bảo Tín	24/02/2011	T	K	T	K	T	T	T	K	9,25	0	0	5,5	7,5	8	30,25	
246	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Lê Chiêu Toàn	22/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	8	6,75	30,25	
247	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Hữu Anh Tuấn	21/11/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	4,75	8,75	6,75	30,25	
248	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Đặng Hoàng Tùng	22/02/2011	T	K	T	K	K	K	T	K	8,75	0	0	6	7,75	7,75	30,25	
249	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Nguyễn Nhã Uyên	20/10/2011	T	T	T	T	T	K	T	K	9,5	0	0	6,5	8,25	6	30,25	
250	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Trần Nguyễn Lan Viên	06/10/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	5,75	8,75	6	30,25	
251	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Ngọc Phương Vy	05/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	8,75	6,75	5	30,25	
252	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Hồ Quỳnh Anh	24/12/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	6,75	8,25	5,5	30	
253	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Lê Hoài Anh	25/02/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7,5	7	5,75	30	
254	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/04/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	8	8,25	4,5	30	
255	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Lê Ngọc Bảo Châu	01/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	7,5	6	30	
256	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Ai Kiều Duyên	27/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8	7	5	30	
257	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Huỳnh Văn Thành Đạt	16/01/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	7	6,75	6,5	30	
258	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Khoa Đăng	31/10/2011	T	K	T	T	T	K	T	T	9,5	0	0	7,25	8,75	4,5	30	
259	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Vũ Lâm Châu Giang	05/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	6,25	8	6,5	30	
260	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Hoàng Thái Ngọc Hân	28/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	8,25	6	30	
261	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phan Ngọc Hân	12/12/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	6,75	8,75	4,75	30	
262	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trịnh Nam Hưng	26/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	7,75	6	30	

QUANG HOA  
GIA  
TRANG

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
263	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Bảo Ngọc	16/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8	7,75	5,25	30	
264	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Vinh Huyền Bảo Nhi	24/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	7,75	5	30	
265	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Dương Thảo Nhiên	20/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,75	9,25	4	30	
266	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Văn Phước	09/02/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	5	8,5	6,75	30	
267	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Trần Anh Thuần	22/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	8	8,25	4	30	
268	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Vũ Thụy Trâm	28/10/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	8	6,25	6,5	30	
269	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Trương Nguyễn Bảo Trân	16/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	7	8,25	30	
270	Phường An Hải	Trường THCS Lê Độ	Trần Gia Bảo	29/12/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	T	8,75	0	0	5,5	9	6,5	29,75	
271	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Trương Khánh Băng	16/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	8	5,5	6,5	29,75	
272	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Dương Bảo Châu	31/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	6,75	5,5	29,75	
273	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Hoàng Duy	15/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	8,5	5,75	29,75	
274	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Thanh Kỳ Duyên	18/02/2011	T	T	K	K	T	K	T	T	9,25	0	0	6,5	6,75	7,25	29,75	
275	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đặng Thùy Dương	19/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	8	5,25	29,75	
276	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Ngô Nhật Nhã Hân	25/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	7,75	5,5	29,75	
277	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Trần Nguyễn Ngọc Hân	10/12/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	6,75	10	3,75	29,75	
278	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Võ Lê Bảo Hân	15/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	8,5	5,75	29,75	
279	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Thần Lê Khánh Huyền	13/06/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	7	8,5	4,5	29,75	
280	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Huỳnh Xuân Hưng	03/07/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	5,25	8,5	6,25	29,75	
281	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Hưng	18/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	5,5	7	8	29,75	
282	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Huỳnh Tấn Minh Khang	14/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	7,5	6	29,75	
283	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Hữu Khang	16/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	8	5,5	29,75	
284	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huỳnh Nhật Đăng Khoa	24/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	5,75	7,75	7	29,75	
285	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Mai Nguyễn Minh Khôi	10/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,25	9	4,5	29,75	
286	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Đức Trung Kiên	26/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	7,5	7	29,75	
287	Phường Hải Châu	Trường THCS Sáo Nam	Dương Thùy Linh	29/01/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	6,25	7	6,75	29,75	
288	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Lê Hoàng Mai	20/12/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	8	7,75	4,5	29,75	
289	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Phan Đăng Nguyễn Minh	01/07/2009	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	5,5	8	6,25	29,75	
290	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Lương Thiện Mỹ	23/05/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	5,75	7,5	8	29,75	
291	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Hồ Đình Nam	28/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	8,75	4,5	29,75	
292	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Phan Hoàng Nam	16/01/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	8,75	5,25	29,75	
293	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	08/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	5	8,25	6,5	29,75	
294	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trần Huỳnh Phúc Nguyễn	28/07/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	5,5	7,75	6,5	29,75	
295	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	01/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6	9,25	4,5	29,75	
296	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Hồ Ngọc Phú	21/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,5	7,75	5,5	29,75	
297	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Phạm Thanh Phúc	25/07/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6,25	8	7	29,75	
298	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Đoàn Ngọc Diễm Quỳnh	09/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	8,25	6,75	5,75	29,75	
299	Phường Thanh Khê	Trường THCS Hoàng Diệu	Trịnh Phương Thảo	29/01/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	8,75	6,25	5	29,75	
300	Phường Thanh Khê	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Trần Thị Anh Thư	20/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	8	6,5	29,75	
301	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phạm Ngọc Bảo Tiên	01/09/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	6	6,75	7,75	29,75	
302	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Phạm Công Tiến	11/11/2011	T	K	T	Đ	T	Đ	T	K	8	0	0	7,5	8,5	5,75	29,75	
303	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Phương Tuyết Trinh	09/10/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	6,75	6	29,75	
304	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Gia Vinh	06/09/2011	T	Đ	T	K	T	Đ	T	K	8	0	0	6,5	9,25	6	29,75	
305	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Hồng Phong	Nguyễn Lê Ngọc Anh	04/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7,25	5,5	7,5	29,5	

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
306	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Bảo	21/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	6,5	7,75	29,5	
307	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Ngô Bảo Châu	19/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7,25	7,75	5,25	29,5	
308	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Khánh Nam Hải	26/10/2011	K	K	K	Đ	T	K	T	K	8	0	0	6,25	9	6,25	29,5	
309	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đỗ Thị Thanh Hào	15/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	9	5,5	29,5	
310	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Bùi Duy Khang	18/06/2011	T	K	T	T	T	K	T	T	9,5	0	0	7	8,25	4,75	29,5	
311	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Hữu Hoàng Khang	16/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	5,5	6,75	29,5	
312	Phường Hòa Cường	Trường TH&THCS Đức Trí	Lê Quốc Khánh	02/09/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	6,75	8	5,25	29,5	
313	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Thái Hoàng Lân	09/07/2011	T	T	T	T	T	K	T	K	9,5	0	0	6,75	6	7,25	29,5	
314	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đình Nguyễn Bảo Nam	25/07/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	7	7,25	6	29,5	
315	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Phạm Trần Hoàng Nam	19/04/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	Đ	8	0	0	6,5	8,75	6,25	29,5	
316	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Trần Thu Ngân	14/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	6,75	5,75	29,5	
317	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Thái Duy Nghị	02/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	8,25	5,25	29,5	
318	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Trần Lê Khánh Phương	23/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	6,25	5,5	29,5	
319	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đoàn Văn Tấn Sang	10/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	6,25	8	29,5	
320	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Bá Thiện	18/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,25	8,75	6,5	29,5	
321	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Như Thịnh	09/02/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	5,75	8	6,5	29,5	
322	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Hoài Thương	24/03/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,5	5,25	8	29,5	
323	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Hồng Phong	Nguyễn Quỳnh Trang	19/05/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,25	7,25	6,25	29,5	
324	Phường Hòa Xuân	Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	07/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7,75	5,5	6,5	29,5	
325	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	Phan Minh Trung	05/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7	8,25	5	29,5	
326	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Thị Ngọc Vy	06/03/2011	T	T	T	T	T	K	T	K	9,5	0	0	7,25	8,25	4,5	29,5	
327	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Đông Minh Hà	05/11/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	7	5,25	29,25	
328	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Phương Hiếu	19/08/2011	T	K	K	K	T	K	T	T	9	0	0	6,5	8	5,75	29,25	
329	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH,THCS&THPT FPT	Vũ Khánh Huyền	10/07/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	7,25	5,5	29,25	
330	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đoàn Kim Khang	22/05/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	5	9,5	5,5	29,25	
331	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Thanh Long	20/03/2011	T	K	K	K	T	K	T	K	8,75	0	0	6,25	7,5	6,75	29,25	
332	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Từ Gia Nghi	11/11/2011	T	K	T	T	T	K	T	T	9,5	0	0	8	8	3,75	29,25	
333	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH,THCS&THPT FPT	Lê Thành Nhân	23/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	9,25	3,5	29,25	
334	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Thái Quang Phong	10/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	7,75	5,5	29,25	
335	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Phạm Duy Phú	30/10/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	8	6,75	6	29,25	
336	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trương Công Quốc	28/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,75	8	4,5	29,25	
337	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Võ Hoàng Nhân Tâm	23/05/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	7,5	4,5	7,75	29,25	
338	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Phạm Quỳnh Bảo Thy	02/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	8,25	6,25	4,75	29,25	
339	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Tấn Nguyễn An	26/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	7,75	5,25	29	
340	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Trương Khánh An	27/07/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	4,75	8,75	6,25	29	
341	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Huyền Khánh Hân	15/03/2011	K	K	T	K	T	K	T	K	8,75	0	0	6,5	6,75	7	29	
342	Phường Hòa Xuân	Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật	Trần Phước Huy	11/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	6,25	7,25	29	
343	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Phạm Khánh Huyền	18/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	6,5	7,5	29	
344	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Anh Khoa	13/07/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	T	8,75	0	0	6,25	8	6	29	
345	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đặng Bảo Kỳ	11/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	7,25	7	29	
346	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Hồng Phong	Lê Nguyễn Bình Minh	22/08/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7,5	6,5	5,25	29	
347	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Hoàng Nam	30/05/2011	K	Đ	K	Đ	K	K	K	K	7	0	0	6	8,5	7,5	29	
348	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nhiều Nguyễn Bảo Ngân	23/02/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	5,75	5,5	8	29	
349	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Huỳnh Tô Quyên	09/05/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	6,25	9	4,5	29	
350	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Lê Hữu Thanh	25/03/2011	T	K	K	K	T	Đ	T	K	8,25	0	0	5,5	8,5	6,75	29	
351	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thị Minh Thi	19/01/2011	T	K	T	K	K	K	T	T	9	0	0	6,75	7,25	6	29	

11/01/2012 ĐQT THT 10/11

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
352	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Trần Nguyễn Ngọc Thư	10/12/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	6,25	9,25	4,25	29	
353	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Trần Vũ Bảo Thy	04/06/2011	T	K	T	K	T	K	K	K	8,75	0	0	7,5	7,25	5,5	29	
354	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Mai Trọng Tín	12/01/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	7	7,5	6	29	
355	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Lê Thu Trang	14/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	8	5,75	29	
356	Phường Hải Vân	Trường THCS Đàm Quang Trung	Bùi Lê Bảo Trân	26/02/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7	6,75	6	29	
357	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Ngọc Uyên Tú	24/07/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	T	8,75	0	0	7,25	6,5	6,5	29	
358	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phạm Lê Minh Tuấn	13/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,5	7,5	7	29	
359	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Chính Minh Tùng	05/12/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,5	7,75	5	29	
360	Phường Hải Châu	Trường THCS Sáo Nam	Phạm Gia Cát Tường	19/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	6,75	8,5	4,5	29	
361	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Thị Phúc Vân	19/10/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	7	7,5	4,75	29	
362	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Quốc Khánh Vinh	08/09/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	6	6,75	7,75	29	
363	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Võ Thị Tuyết Tâm An	23/09/2011	T	T	T	K	T	K	T	T	9,5	0	0	7,25	6,75	5,25	28,75	
364	Phường Thanh Khê	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Bùi Thị Linh Đan	10/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7,75	6,5	5,25	28,75	
365	Phường Thanh Khê	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm	Phạm Bá Đức	14/11/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	6,5	7,25	5,5	28,75	
366	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Chí Hải	16/09/2011	T	T	T	T	T	K	T	K	9,5	0	0	5,25	9,5	4,5	28,75	
367	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Ngọc Mai Kha	24/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7,5	6,5	5,5	28,75	
368	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Minh Khang	25/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,25	7,75	6,75	28,75	
369	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Thánh Tôn	Đặng Bách Khoa	18/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	4,5	9	6	28,75	
370	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đặng Hoàng Bảo Lâm	10/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	5,75	7	6,25	28,75	
371	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Vũ Thị Khánh Linh	26/08/2011	T	Đ	T	Đ	T	K	T	Đ	7,5	0	0	6,25	7,25	7,75	28,75	
372	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Bình Minh	12/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	5,5	7,75	28,75	
373	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Hồ Gia Nghi	29/05/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	7,75	6,25	5,25	28,75	
374	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Lâm Tuyết Nhi	29/03/2011	T	Đ	T	K	T	T	T	K	8,75	1	0	8	7	4	28,75	
375	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	Võ Hồng Phúc	20/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	6,5	7,25	28,75	
376	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Chế Thị Anh Thư	18/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	5,75	9	5,5	28,75	
377	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Mai Chi Toàn	12/10/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,5	0	0	4,5	8,5	6,25	28,75	
378	Phường Hải Châu	Trường THCS Sáo Nam	Đặng Lê Nhã Tú	09/04/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	7,5	3,75	28,75	
379	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Chơn	Lê Thị Kim Anh	06/12/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	6,75	4,25	7,75	28,5	
380	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Lê Nguyễn Gia Bảo	12/12/2011	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K	7,5	0	0	5,75	9	6,25	28,5	
381	Xã Điện Bàn Tây	Trường THCS Phan Thúc Duyện	Trà Thiên Bảo	19/09/2011	T	K	T	T	Đ	T	Đ	T	9	0	0	5,75	9,75	4	28,5	
382	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Hà Ngọc Bảo Châu	21/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5	8,5	6	28,5	
383	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Hoàng Kỳ Duyện	02/01/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	1	0	6,25	9	3,75	28,5	
384	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Mai Phước Phúc Đạt	22/10/2011	T	K	T	Đ	T	Đ	T	K	8	0	0	7	7,25	6,25	28,5	
385	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Hồng Hân	06/07/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,25	6	5,25	28,5	
386	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Quốc Huy	09/12/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	7,75	3,25	28,5	
387	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Tống Nguyễn Khải	08/07/2011	K	K	K	K	T	T	T	K	8,75	0	0	6,5	7	6,25	28,5	
388	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Thị Minh Khuê	01/11/2011	T	K	T	K	T	T	T	K	9,25	0	0	7,5	5,5	6,25	28,5	
389	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Phúc Phương Linh	30/10/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	7,5	7,25	5,25	28,5	
390	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Hoàng Mộc Nghi	03/04/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	7	6,75	6,25	28,5	
391	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Mai Nguyễn Bảo Nhi	04/05/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	7,75	7,5	4,75	28,5	
392	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thị Kiều Oanh	10/09/2011	T	T	T	T	T	K	T	K	9,5	0	0	7	6,25	5,75	28,5	
393	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Đoan Phú	19/04/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6	8,5	5,5	28,5	
394	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Huỳnh Nguyễn Hà Phương	01/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	7,75	5	28,5	
395	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Ngọc Khánh Phương	07/02/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6,5	7	5	28,5	
396	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Đình Ngọc Đỗ Quyên	15/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	5,5	6,75	28,5	
397	Phường Thanh Khê	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm	Dương Quốc Thắng	01/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	6,5	6,25	28,5	
398	Phường Thanh Khê	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Nguyễn Đạt Anh Thư	04/02/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	7,25	6,5	6,25	28,5	

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
399	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trương Ngọc Trân	16/12/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	7	7,5	4,75	28,5	
400	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phường Minh Trí	15/12/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,25	7,25	5,25	28,5	
401	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Trần Lê Thanh Trí	22/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	5,75	9	5,25	28,5	
402	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Hoàng Lam Uyên	01/07/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	8,5	6	4,5	28,5	
403	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Lê Võ Hoàng Vi	25/07/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	7,75	7,25	5	28,5	
404	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Huỳnh Yến Vy	06/05/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	7	6,25	6,75	28,5	
405	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Văn Chi Bảo	21/02/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	5,75	7,25	5,5	28,25	
406	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Nguyễn Trần Bảo Hân	25/03/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7,75	8,25	3	28,25	
407	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đặng Nguyễn Ánh Hồng	09/03/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	6,5	8	4,5	28,25	
408	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Mạnh Vinh Hưng	01/06/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	5,25	9,5	5	28,25	
409	Phường Thanh Khê	Trường THCS Hoàng Diệu	Võ Khánh Hưng	21/10/2011	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K	7,5	0	0	7,25	8,5	5	28,25	
410	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Võ Nguyễn Mai Ka	26/05/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7	6,75	4,5	28,25	
411	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Mai Phúc Gia Khang	22/12/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	6,5	7,5	5,75	28,25	
412	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Ngân Khánh	24/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	7	6	28,25	
413	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Đỗ Anh Khoa	08/09/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6	9,5	4,25	28,25	
414	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Nhã Kỳ	18/08/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	7,5	7,5	4	28,25	
415	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Hoàng Ngọc Linh	12/05/2011	T	T	T	Đ	T	K	T	K	8,75	0	0	7,5	7,75	4,25	28,25	
416	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Đoàn Bảo Nguyễn	11/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7	6,5	5,5	28,25	
417	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20/06/2011	T	K	T	T	T	T	T	T	9,75	0	0	6,5	7,25	4,75	28,25	
418	Phường Thanh Khê	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm	Lê Mai Trung Quốc	17/03/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6,75	5,75	7,25	28,25	
419	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Ngọc Thanh	30/10/2011	T	Đ	T	T	T	K	T	K	8,75	0	0	6,75	7,25	5,5	28,25	
420	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Minh Thành	11/02/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	Đ	8	0	0	6,25	9	5	28,25	
421	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đặng Quang Đức Thiện	25/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,5	6,5	7,25	28,25	
422	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Gia Bảo	03/11/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	5,25	7,5	5,5	28	
423	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Phan Bảo Châu	10/04/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	6,5	6,5	5,5	28	
424	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Ngọc Bảo Châu	26/12/2011	T	K	T	K	T	T	T	K	9,25	0	0	7,5	8	3,25	28	
425	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huỳnh Ngọc Ánh Dương	27/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	6,75	5	28	
426	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Trương Thị Bảo Hân	10/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	6,25	6,5	28	
427	Phường Hải Châu	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Hồ Gia Hưng	07/10/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	6	8,75	4	28	
428	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Phạm Đoàn Quốc Hưng	14/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,75	8,75	4,5	28	
429	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Vĩnh Khiêm	31/05/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	5,5	6,75	6,25	28	
430	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Lê Ngọc Bảo Lam	11/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7,25	6,75	4,25	28	
431	Phường Hải Châu	Trường THCS Sào Nam	Nguyễn Thị Khánh Ly	05/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	7,5	4,75	28	
432	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Kim Nhật Minh	04/12/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	6,25	7,75	5,5	28	
433	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Duy Phương	15/11/2011	T	T	T	K	T	K	T	T	9,5	0	0	6,25	5	7,25	28	
434	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Đoàn Bảo Phương	10/10/2011	T	K	K	K	T	K	T	K	8,75	0	0	7	9	3,25	28	
435	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Giáp Ngọc Thi	22/12/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6	6	6	28	
436	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trương Khánh Thy	06/06/2011	T	T	T	K	T	Đ	T	K	8,75	0	0	7	6,75	5,5	28	
437	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Đặng Thủy Tô Uyên	25/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	3,25	8,25	7	28	
438	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Đào Nguyễn Khánh Vy	18/08/2011	T	T	T	T	T	K	T	K	9,5	0	0	7,25	6,5	4,75	28	
439	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH,THCS&THPT FPT	Nguyễn Đỗ Khánh Hà	11/06/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	7,25	8,25	2,75	27,75	
440	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Trần Việt Khánh	30/10/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6	7,25	6	27,75	
441	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Trần Ngọc Anh Khoa	05/09/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	4,5	7,25	6,5	27,75	
442	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Đặng Công Minh	17/01/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	8	5	5,5	27,75	

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
443	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đinh Xuân Huyền My	29/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	6	7	5	27,75	
444	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Lê Vũ Thùy Nguyễn	03/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	7,75	3,5	27,75	
445	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Nho Bảo Nhi	09/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	7	4,25	27,75	
446	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Đoàn Minh Quân	14/02/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	7,25	6,5	4,75	27,75	
447	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Đông Duy Thành	19/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	8	4,25	27,75	
448	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Võ Trần Anh Thư	18/04/2011	T	K	T	K	T	T	T	K	9,25	0	0	7	7	4,5	27,75	
449	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Nhã Thy	18/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	7	5	27,75	
450	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	Lê Đức Anh	28/06/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	7	6	6	27,5	
451	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Võ Nam Khánh	04/02/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	6,75	6,5	4,75	27,5	
452	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Lê Đăng Khoa	27/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	6	6,25	27,5	
453	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Hoàng Linh	26/11/2011	T	Đ	T	K	T	Đ	T	K	8	0	0	7,5	7,5	4,5	27,5	
454	Phường Cẩm Lệ	Trường TH,THCS&THPT Việt Nhật	Lê Nguyễn Khánh Minh	05/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	6,25	8,5	3,5	27,5	
455	Phường Hòa Cường	Trường THCS Hồ Nghinh	Nguyễn Hồ Thục Nghi	17/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	6,5	5	27,5	
456	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Trần Hoàng Bảo Ngọc	24/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	7	7,5	3,75	27,5	
457	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Trần Phước Minh Nhật	18/10/2011	T	Đ	K	Đ	T	Đ	T	Đ	6,75	0	0	6,5	8	6,25	27,5	
458	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Thái Sơn	04/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	5,25	6,25	27,5	
459	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trương Bảo Thy	03/05/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	8	3	27,5	
460	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Minh Toán	10/09/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,25	7,75	5,5	27,5	
461	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Phạm Nguyễn Bảo Trân	04/11/2011	T	Đ	T	K	T	Đ	T	K	8	0	0	7,5	5,75	6,25	27,5	
462	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trần Đông Trường	22/05/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	6	6	6,25	27,5	
463	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Lê Quốc Việt	13/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	4,25	8,25	6	27,5	
464	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Hữu Việt	03/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6	7,75	4,75	27,5	
465	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Võ Thị Thanh Bình	02/11/2011	T	T	T	K	T	T	T	K	9,5	0	0	6,75	5,5	5,5	27,25	
466	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Đỗ Hữu Danh	24/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	6	8,5	4,25	27,25	
467	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trương Thanh Duyên	30/08/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	1	0	7	6,5	4,25	27,25	
468	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Nguyễn Duy Nguyễn Đức	24/01/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	7	4,25	27,25	
469	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Đoàn Minh Đức	24/02/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	6	6,75	5	27,25	
470	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Nguyễn Lê Gia Hân	11/08/2011	T	K	T	K	T	K	T	T	9,25	0	0	5,25	7,25	5,5	27,25	
471	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Trãi	Nguyễn Anh Khoa	08/07/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	6,25	7,25	4	27,25	
472	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Trần Hoàn Kinh Luân	18/10/2011	K	K	T	K	T	K	T	K	8,75	0	0	6,5	5,75	6,25	27,25	
473	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Nguyễn Dương Thảo Nghi	13/09/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	8	6,75	4	27,25	
474	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Lê Bảo Phúc	14/03/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	7,75	3,5	27,25	
475	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Lê Hương Thảo	27/04/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,5	8,75	4	27,25	
476	Phường Hòa Cường	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Vũ Cát Kỳ Thư	13/12/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6,25	7,25	5,25	27,25	
477	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Võ Đức Trí	19/12/2011	T	K	T	K	T	T	T	T	9,5	0	0	6,5	7	4,25	27,25	
478	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Châu Mỹ An	04/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	6	4,5	27	
479	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Ngô Dương Vy Khanh	12/11/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	6,5	7,25	4	27	
480	Phường Hải Châu	Trường THCS Lê Thánh Tôn	Nguyễn Quang Kiệt	09/02/2011	K	K	T	K	T	K	T	K	8,75	0	0	7,75	5,5	5	27	
481	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Đặng Phan Hoa Mai	14/04/2011	T	K	K	K	T	K	T	Đ	8,25	0	0	6	6,25	6,5	27	
482	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Chiêu Nghi	23/06/2011	T	K	T	K	T	K	K	K	8,75	1	0	6,25	7,25	3,75	27	
483	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Cửu Ánh Ngọc	06/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,75	5,75	3,5	27	
484	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Trần Thùy Bảo Ngọc	01/07/2009	T	T	T	T	T	Đ	T	K	9	0	0	5,5	9,5	3	27	
485	Phường Hòa Xuân	Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật	Hồ Hoàng Oanh	11/01/2011	T	T	T	K	Oanh	T	T	K	9,5	0	0	5,75	7,25	4,5	27	
486	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Phan Anh Tuấn	30/09/2011	T	T	T	K	T	K	T	Đ	8,75	0	0	4,5	9	4,75	27	



STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
487	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Trần Văn Duy Vinh	26/01/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	4,5	6,75	6,5	27	
488	Phường Thanh Khê	Trường THCS Hoàng Diệu	Nguyễn Phương Vy	20/01/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	6,5	4	27	
489	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Võ Nguyễn Đình An	27/01/2011	T	T	T	T	T	T	T	K	9,75	0	0	7,25	4,5	5,25	26,75	
490	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Phan Đăng Minh Anh	29/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	6	4,25	26,75	
491	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Đức Gia Bảo	18/09/2011	T	T	T	K	T	Đ	T	K	8,75	0	0	6,75	7,25	4	26,75	
492	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Phan Minh Nam Hải	22/12/2011	T	K	T	Đ	K	Đ	T	Đ	7,25	0	0	3	9	7,5	26,75	
493	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Đỗ Châu Gia Hào	23/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	6,5	6,75	5	26,75	
494	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Dương Khánh Hân	17/09/2011	T	K	T	T	T	K	T	K	9,25	0	0	6,5	7,75	3,25	26,75	
495	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Phúc Gia Hân	30/10/2011	T	K	K	Đ	T	Đ	T	K	7,75	0	0	6,5	6,5	6	26,75	
496	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Ngọc Đăng Khoa	16/05/2011	T	K	K	K	K	Đ	T	K	8	0	0	6,5	5,75	6,5	26,75	
497	Phường Hòa Cường	Trường TH,THCS&THPT Sky-line	Trương Thị Ngọc Minh	28/09/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	7,5	4,75	4,5	26,75	
498	Phường Thanh Khê	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Thị Luy Na	29/01/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	5,75	6,25	5,5	26,75	
499	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Nguyễn Quỳnh Như	26/06/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	5,25	7,75	4,5	26,75	
500	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Bùi Ngọc Quỳnh Oanh	19/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	8	5	5,25	26,75	
501	Phường Ngũ Hành Sơn	Trường TH,THCS&THPT FPT	Nguyễn Huy Phong	31/05/2011	T	T	T	K	T	T	T	T	9,75	0	0	5	5,5	6,5	26,75	
502	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Đông Quân	14/10/2011	K	K	Đ	K	T	K	K	K	7,75	0	0	5,75	6,25	7	26,75	
503	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Trần Huyền Kim Sa	09/08/2011	T	K	T	T	T	T	T	K	9,5	0	0	7,25	7	3	26,75	
504	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Trần Đình Tín	24/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	7	6	5,25	26,75	
505	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Lê Gia Bảo	11/11/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	5,5	9,5	3	26,5	
506	Phường Thanh Khê	Trường THCS Phan Đình Phùng	Hồ Quốc Đạt	12/07/2011	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K	8	0	0	4,25	8,25	6	26,5	
507	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Đặng Ngọc Hân	24/03/2011	T	T	T	K	T	K	T	K	9,25	0	0	6,75	7	3,5	26,5	
508	Phường Hòa Cường	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huỳnh Ngọc Gia Hân	09/07/2011	T	T	T	T	T	K	T	T	9,75	0	0	5	6	5,75	26,5	
509	Phường Hòa Cường	Trường THCS Tây Sơn	Nguyễn Hồ Khả Hân	28/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	6,75	3,75	26,5	
510	Phường Thanh Khê	Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu	Ngô Thị Ngọc Mai	30/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5,5	8,75	3,25	26,5	
511	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Trần Đại Minh	04/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	6	4,5	26,5	
512	Phường An Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Định	Lê Huỳnh Bảo Ngọc	17/03/2011	T	K	T	K	T	Đ	T	K	8,5	0	0	7,25	6,5	4,25	26,5	
513	Phường Hải Châu	Trường THCS Kim Đồng	Nguyễn Quang Bảo Phi	12/08/2011	T	K	T	Đ	T	K	T	K	8,5	0	0	6,75	5	6,25	26,5	
514	Phường An Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Định	Lê Vũ Hoài Phương	20/08/2011	T	Đ	T	K	T	Đ	T	Đ	7,5	0	0	6,5	5,25	7,25	26,5	
515	Phường Cẩm Lệ	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	Võ Anh Tú	04/08/2011	T	K	K	K	T	K	T	K	8,75	0	0	6,75	7,25	3,75	26,5	
516	Phường Thanh Khê	Trường THCS Chu Văn An	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	13/06/2011	T	T	T	T	T	T	T	T	10	0	0	6	4,75	5,75	26,5	
517	Phường Thanh Khê	Trường THCS Phan Đình Phùng	Huỳnh Nguyễn Nhã Uyên	02/02/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,5	8	2	26,5	
518	Phường Thanh Khê	Trường THCS Phan Đình Phùng	Lê Trương Thảo Uyên	31/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7	5	5,5	26,5	
519	Phường Thanh Khê	Trường THCS Đỗ Đăng Tuyển	Nguyễn Hoàng Bảo Uyên	08/10/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	7,5	5,75	4,75	26,5	
520	Phường An Khê	Trường THCS Nguyễn Thị Định	Hàn Thị Khánh Vy	04/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	7,25	4,5	5,75	26,5	
521	Phường Thanh Khê	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Lê Võ Thùy Vy	16/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,25	7,5	3,75	26,5	

Danh sách này có 521 thí sinh

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
Lê Thị Bích Thuận

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Năm học: 2026-2027



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HIỀN - LỚP TIẾNG PHÁP

(Danh sách sắp xếp theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp - Đủ điểm chuẩn nguyên vòng 1)

(Đính kèm Thông báo số 2702/SGDDT-QLCL ngày 08/6/2026 của Giám đốc Sở GDĐT về việc Thông báo điểm chuẩn trúng tuyển. Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027)

STT	Xã/Phường	Thí sinh trường	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Kết quả học tập, rèn luyện 4 năm THCS								Điểm cộng xét tuyển			Điểm số các bài thi			Điểm xét tuyển (1)+(2)+(3) +(4)+(5)+(6)	Ghi chú
					RL6	HT6	RL7	HT7	RL8	HT8	RL9	HT9	RL, HT 4 năm (1)	Ưu tiên (2)	Khuyến khích (3)	Ngữ văn (4)	Ngoại ngữ (5)	Toán (6)		
1	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Lê Ngọc Khánh An	06/11/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,75	7,13	6	28,88	
2	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Phạm Đỗ Tâm Như	30/04/2011	T	T	T	T	T	K	T	K	9,5	0	0	5,25	6,75	6,75	28,25	
3	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Trần Hồ Gia Minh	24/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	6,63	4,75	26,88	
4	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Thái Nghĩa	09/11/2011	T	Đ	T	K	K	K	T	K	8,25	0	0	5,75	5,13	6,25	25,38	
5	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Lê Ngọc Hoàng Phúc	03/11/2011	T	K	T	K	K	K	T	K	8,75	0	0	5,75	6,38	3,75	24,63	
6	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Minh Khánh	19/12/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	6,5	3,38	4,5	23,38	
7	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Thị Thuý Hà	19/01/2011	T	Đ	T	K	T	K	T	K	8,5	0	0	6	5,5	3	23	
8	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Phạm Ly Na	15/07/2011	T	K	T	K	T	K	T	K	9	0	0	5	3,13	4,75	21,88	
9	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Trần Thảo Uyên	20/04/2011	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K	7,5	0	0	6,25	5,88	1,75	21,38	
10	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Đặng Yên Linh	04/06/2011	T	K	T	K	T	K	T	Đ	8,5	0	0	6	3,38	3	20,88	
11	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Cửu Tâm	10/03/2011	T	K	T	K	T	Đ	K	Đ	7,75	0	0	5,25	4,25	3	20,25	
12	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Trần Kim Ngân	26/10/2011	T	Đ	K	Đ	T	Đ	T	Đ	6,75	0	0	5,75	3,5	3	19	
13	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Vương Minh	01/06/2011	T	K	T	Đ	T	Đ	T	Đ	7,5	0	0	4,5	3,88	3	18,88	
14	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Lý Chí Tài	26/12/2011	T	Đ	T	Đ	Đ	Đ	T	Đ	6,5	0	0	4,25	5	1,75	17,5	
15	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Hoàng Ngô Phú Minh	12/07/2011	K	Đ	K	Đ	Đ	K	Đ	Đ	5,75	0	0	4,25	4,88	2,5	17,38	
16	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Trần Quang Khải	19/08/2011	T	Đ	T	Đ	T	K	T	Đ	7,5	0	0	4,25	4,25	1,25	17,25	
17	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Lê Hoàng Trinh	31/07/2011	K	Đ	K	Đ	K	Đ	T	Đ	6,25	0	0	5	4,5	1	16,75	
18	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Phan Nguyễn Hoàng Anh	18/09/2011	K	Đ	K	Đ	Đ	Đ	T	Đ	6	0	0	4	3,88	1,25	15,13	
19	Phường Hải Châu	Trường THCS Trưng Vương	Nguyễn Hoàng Khánh Huyền	24/05/2011	T	Đ	K	Đ	T	Đ	T	Đ	6,75	0	0	5	2,5	0,75	15	
20	Phường Hải Châu	Trường THCS Nguyễn Huệ	Nguyễn Anh Thắng	11/03/2011	T	Đ	T	Đ	K	Đ	T	Đ	6,75	0	0	2,25	2,88	1,5	13,38	

Danh sách này có 20 thí sinh

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2026



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Lê Thị Bích Thuận